

Số: 67 /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 30 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, khu chức năng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, khu chức năng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, khu chức năng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025. Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, khu chức năng trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công Thương; Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ+CV VP UBND tỉnh;
- TTPV HCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, X5.

Chữ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Quế

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật
trong đô thị, khu chức năng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cụ thể: Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, khu chức năng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là các sở, ban, ngành);
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã);
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc chung về quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xác định trong quy hoạch; được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định.

3. Chủ đầu tư các dự án xây dựng mới trong đô thị, các khu chức năng hoặc cải tạo, mở rộng có trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống lắp đặt mới có trách nhiệm bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng.

5. Việc lắp đặt, bố trí các đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

6. Các loại đường dây, cáp và đường ống bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định.

7. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình; bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành.

Chương II

QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG CHUNG

CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 4. Yêu cầu đối với công tác quy hoạch

1. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật là nội dung nghiên cứu, định hướng và được quy định trong quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Đối với các khu vực đã có quy hoạch được phê duyệt mà chưa có quy định về quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thì phải bổ sung khi điều chỉnh quy hoạch.

3. Đối với các khu vực chưa có quy hoạch hoặc chưa có quy định trong quy hoạch được duyệt, khi đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương. Cụ thể:

a) Sở Xây dựng có ý kiến thỏa thuận đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ các dự án đầu tư trong phạm vi do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý);

b) Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh có ý kiến thỏa thuận đối với các dự án được đầu tư trong phạm vi do mình quản lý (trừ các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư);

c) Các dự án còn lại do Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến thỏa thuận.

4. Quy hoạch chung đô thị, khu chức năng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

5. Quy hoạch phân khu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

6. Quy hoạch chi tiết thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

7. Việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải bảo đảm sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả; kết nối tương thích, đồng bộ và đảm bảo an toàn giữa các công trình.

8. Đối với các dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở, khu chức năng được đầu tư xây dựng mới trong khu vực nội thị tại các đô thị từ loại IV trở lên, phải quy hoạch và xây dựng đường dây, cáp và đường ống đi ngầm (không bao gồm

các đoạn cắt ngang sông, suối, ao, hồ). Trường hợp đường dây, cáp và đường ống không bố trí đi ngầm phải báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

Điều 5. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung

1. Đối với các dự án khu dân cư, khu đô thị mới, khu chức năng, công trình giao thông đô thị được đầu tư xây dựng mới:

a) Phải đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đảm bảo tính đồng bộ theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Chủ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Đối với khu vực đô thị, khu chức năng hiện hữu:

a) Khu vực đã có công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc sử dụng chung thì phải phối hợp sử dụng chung cơ sở hạ tầng với các công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có;

b) Đối với các khu vực còn lại, việc đầu tư cải tạo, sắp xếp và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Nguồn vốn đầu tư và chính sách ưu đãi trong đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt dự án; cấp giấy phép xây dựng; quản lý chất lượng công trình thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về xây dựng.

Điều 6. Tổ chức cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường dây, cáp và đường ống đi nổi

1. Việc cải tạo, di chuyển, sắp xếp và hạ ngầm đường dây, cáp và đường ống đi nổi trên đường phố phải tuân thủ quy hoạch đô thị và nông thôn và quy hoạch chuyên ngành; phù hợp kế hoạch hạ ngầm và hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự kết nối với hệ thống hạ tầng sử dụng chung của đô thị; đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị.

2. Khi thực hiện cải tạo, sắp xếp, hạ ngầm đường dây, cáp và đường ống đi nổi phải bố trí dấu hiệu nhận biết quy định tại Điều 8 của Quy định này.

3. Các tổ chức, cá nhân sở hữu, khai thác, sử dụng đường dây, cáp và đường ống đi nổi trên địa bàn tỉnh căn cứ vào kế hoạch ngầm hóa của cấp có thẩm quyền để xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo ngầm hóa các công trình do mình quản lý, sở hữu. Có trách nhiệm phối hợp, tham gia và đóng góp kinh phí để thực hiện việc hạ ngầm, chỉnh trang đường dây, cáp và đường ống đi nổi do mình quản lý theo quy định hiện hành.

4. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm phối hợp cùng chủ sở hữu của hệ thống đường dây, cáp và đường ống đi nổi tiến hành thu hồi các cột, đường dây, cáp đi nổi không sử dụng. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương có trách nhiệm kiểm tra việc thu hồi này.

Chương III **PHÂN CẤP QUẢN LÝ SỬ DỤNG CHUNG** **CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Điều 7. Phân cấp quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu, quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại các đô thị do mình quản lý (*trừ các công trình quy định tại Khoản 2 Điều này*) bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

2. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh là chủ sở hữu, quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung trong phạm vi do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý và đầu tư;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

Điều 8. Quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Quy định về dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 9. Quy định về sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật

Quy định về sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 10. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác, việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trực tiếp quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị quản lý, vận hành thông qua hợp đồng quản lý, vận hành được quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 11. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Nguyên tắc xác định giá và quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 12. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chịu trách nhiệm thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đầu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 13. Trách nhiệm các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm về quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch ngân sách hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng thời kỳ;

d) Thỏa thuận phương án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ các dự án do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện).

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

e) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định;

g) Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến phạm vi, khoảng cách an toàn của kết cấu hạ tầng giao thông theo chức năng quản lý cho các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có yêu cầu;

h) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên các công trình biết, phối hợp thực hiện;

i) Xem xét thỏa thuận và cấp phép thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi đất dành cho đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá đối với giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành Bưu chính Viễn thông của các đơn vị sở hữu, quản lý và sử dụng các công trình đường dây, cáp viễn thông, truyền hình trên địa bàn tỉnh;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực Gia Lai và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông; xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện công tác chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông, truyền hình; từng bước ngầm hóa đường dây, cáp theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

4. Sở Tài chính

a) Phối hợp có ý kiến phương án giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Hướng dẫn cơ chế thu, chi tài chính đối với việc sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật;

c) Quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh.

d) Trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, Sở Tài chính xem xét tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định.

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị, địa phương lập Danh mục mời gọi đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn theo quy định.

5. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Thỏa thuận phương án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý đối với khu vực chưa có quy hoạch hoặc chưa được quy định trong quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Có ý kiến đối với phương án kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung của các dự án đầu tư xây dựng bên trong khu chức năng và các dự án đầu tư xây dựng có kết nối bên trong và bên ngoài ranh giới của các khu chức năng do mình quản lý.

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng chung công trình kỹ thuật trong phạm vi quản lý;

d) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tại khoản 2 Điều 7 Quy định này;

đ) Tổng hợp, định kỳ báo cáo Sở Xây dựng về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và cung cấp dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại khu vực đô thị trên địa bàn do mình quản lý.

3. Tổ chức kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý vận hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.
2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.